

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 02 năm 2025

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu

2. Bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Chương - thư ký Tòa án nhân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim D - Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2024/QĐSXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐ-ST ngày 23/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn Nam Hưng Đông, xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* anh **Nguyễn Như D1**, sinh năm 1994

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

3. *Người làm chứng:* bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1965

Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh D1 và bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh D1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T vào ngày 14/01/2022. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến cuối năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, tháng 01/2024 chị và anh D1 sang Hàn Quốc lao động, trong thời gian này mâu thuẫn ngày một trầm trọng do anh D1 không tôn trọng chị, có hành vi bạo lực đối với chị, do vậy cuối tháng 3/2024 chị về nước, đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, còn anh D1 tiếp tục lao động ở nước ngoài. Tháng 10/2024 anh D1 nghỉ phép, chị đã trao đổi với anh D1 về việc ly hôn, anh nhất trí và đưa giấy tờ tùy thân cho chị làm thủ tục. Chị xác định không còn tình cảm, chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng không trở về đoàn tụ được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D1.

Về con chung: chị và anh D1 có một con chung là Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/10/2022, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D1 góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị làm tại công ty TNHH M, địa chỉ: xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng anh D1 không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Người làm chứng bà Bùi Thị N là mẹ đẻ của anh Nguyễn Như D1 trình bày: về thời gian kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn như chị H khai. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình đã động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả, tháng 10/2024 anh D1 nghỉ phép về nước, chị H cương quyết không gặp nên việc đoàn tụ không thành. Quan điểm của anh D1 và gia đình mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ, nếu chị H cương quyết ly hôn, anh D1 chấp nhận. Do con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên anh D1 nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng song phải đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh D1. Về tài sản và nợ chung không có.

Công văn số 1034/PA08 ngày 04/12/2024 của Phòng Q- Công an tỉnh T cung cấp: anh D1 xuất cảnh lần gần nhất qua SBQT Cát Bi ngày 09/10/2024 bằng hộ chiếu số Q00584479. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Kết quả xác minh tại UBND xã S, huyện T về thời gian kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị H và bà N trình bày, khi phát sinh mâu

thuần chính quyền thôn đã động viên chị H về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh D1; về con chung giao con chung Nguyễn Phương A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Như D1 hiện đang cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Như D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh D1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh, chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không

hợp, mặc dù đã được hai bên gia đình và địa phương hoà giải nhưng không có kết quả, hiện nay đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa chị H và anh D1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh D1.

[5] Về quan hệ con chung: con Nguyễn Phương A chưa đủ 36 tháng tuổi, đang ở với chị H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh D1 góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh D1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị H và anh D1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có, Toà án không ghi được ý kiến của anh D1 vì vậy không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Như D1.

2. Về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Phương A, sinh ngày 10/10/2022 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Như D1 góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh D1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị H và anh D1 có quyền yêu cầu thay

đôi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. **Về tài sản và nợ chung:** không giải quyết trong vụ án này.

4. **Về án phí:** chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000382 ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị H đã nộp đủ án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Như D1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Hà;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Huệ